

Số: 36/QĐ - GD

Hải Phòng, ngày 16 tháng 7 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

- Mã chứng khoán: TJC
- Địa chỉ: Số 5 lô 2B Khu đô thị mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0225.3823351 Fax: 0225.3822155.
- Email: hanhbuihong1978@gmail.com Website: www.transco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 2 năm 2025

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/07/2025 tại đường dẫn: www.transco.com.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong quý 2 năm 2025: không có giao dịch.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....
- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC.....
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Lê Phát Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ : Số 5 Lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi

Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2025

Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ II NĂM 2025

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	SỐ BIỂU
1	B01a-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	QUÝ 2 - 2025	1
2	B02a-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	QUÝ 2 - 2025	1
3	B03a-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	QUÝ 2 - 2025	1
4	B09a-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC	QUÝ 2 - 2025	1

KẾ TOÁN TRƯỞNG


KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Thanh Nhân



GIÁM ĐỐC


GIÁM ĐỐC
Lê Tất Hưng

Nơi nhận:

- 1- Ban Quản lý phát hành, Ban công bố thông tin- UBCKNN
- 2- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- 3- Hội đồng quản trị
- 4- Ban kiểm soát
- 5- Công ty Cổ phần Transimex (Phòng Kế toán)
- 6- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP (Ban Tài chính Kế toán)
- 7- Giám đốc Công ty
- 8- Phòng Kế toán (lưu)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		139.247.495.960	136.896.926.111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.331.212.712	2.663.741.619
1. Tiền	111		2.331.212.712	2.663.741.619
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		123.800.000.000	121.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		123.800.000.000	121.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.414.552.998	2.156.399.983
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.543.498.542	1.490.088.969
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		161.547.496	143.275.317
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		2.153.224.110	1.966.752.847
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.443.717.150)	(1.443.717.150)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		83.458.284	83.458.284
1. Hàng tồn kho	141		83.458.284	83.458.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.618.271.966	10.793.326.225
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.618.271.966	10.739.291.073
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	54.035.152
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.783.728.866	41.371.086.182
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		11.134.251.631	11.174.239.435
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.878.955.631	3.918.943.435
- Nguyên giá	222		5.425.233.348	5.425.233.348
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.546.277.717)	(1.506.289.913)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		7.255.296.000	7.255.296.000
- Nguyên giá	228		7.310.296.000	7.310.296.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(55.000.000)	(55.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		29.362.942.822	29.803.722.274
- Nguyên giá	231		30.684.415.596	30.684.415.596
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.321.472.774)	(880.693.322)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		286.534.413	393.124.473
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		286.534.413	393.124.473
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		180.031.224.826	178.268.012.293

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.376.519.718	2.501.059.408
I. Nợ ngắn hạn	310		1.595.625.718	1.720.165.408
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		342.212.903	520.527.570
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		487.845.783	188.732.211
4. Phải trả người lao động	314		169.044.246	190.768.120
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		55.762.548	117.460.400
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		37.636.359	188.181.815
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		96.042.867	98.164.280
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		407.081.012	416.331.012
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		780.894.000	780.894.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		780.894.000	780.894.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		177.654.705.108	175.766.952.885
I. Vốn chủ sở hữu	410		177.654.705.108	175.766.952.885
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.007.985.000	5.007.985.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		11.496.562.246	11.496.562.246
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		75.150.157.862	73.262.405.639
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		73.262.405.639	71.107.697.682
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.887.752.223	2.154.707.957
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		180.031.224.826	178.268.012.293



Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngổ Lân, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ 2 NĂM 2025

		Đơn vị tính: VND			
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước	Lũy kế Kỳ này
					Lũy kế Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		995.764.120	575.833.631	1.932.932.330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		995.764.120	575.833.631	1.932.932.330
4. Giá vốn hàng bán	11		533.720.158	423.015.585	952.640.681
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		462.043.962	152.818.046	980.291.649
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.900.717.383	1.727.459.879	3.615.103.475
7. Chi phí tài chính	22				-
Trong đó: chi phí lãi vay	23				-
8. Chi phí bán hàng	25				-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.129.045.175	1.229.992.555	33.925.070
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.233.716.170	650.285.370	2.194.892.869
11. Thu nhập khác	31		17.422		2.366.577.185
12. Chi phí khác	32		249.008	2.131.650	17.422
13. Lợi nhuận khác	40		231.586	2.131.650	630.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.233.484.584	648.153.720	310.327.376
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		246.696.917	121.949.549	(2.386.906)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				(309.697.376)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60				910.683.398
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70				174.455.485
			986.787.667	526.204.171	-
			115	61	736.227.913
				220	86

TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025



[Handwritten signature]

Trần Thị Thanh Nhạn

Người lập/Kế toán trưởng

Lê Tấn Hưng

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

QUÝ 2 NĂM 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.364.190.279	910.683.398
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	480.767.256	556.949.677
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(66.082.327)	(119.036.251)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.548.590.120)	(2.828.692.406)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(769.714.912)	(1.480.095.582)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	146.236.216	4.196.202.092
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	53.557.820
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(600.433.882)	(3.911.059.797)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	106.590.060	660.678.586
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(9.534.359.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.250.000)	(10.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.126.572.518)	(10.025.576.724)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(5.540.839.300)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	59.678.682.826
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(123.800.000.000)	(116.700.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	121.200.000.000	65.100.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.355.648.204	1.861.251.035
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	755.648.204	4.399.094.561

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến hết quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(7.740.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(7.740.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(370.924.314)	(13.366.482.163)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.663.741.619	17.141.970.723
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	38.395.407	63.075.296
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	2.331.212.712	3.838.563.856

Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025

Lê Tất Hưng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC QUÝ II NĂM 2025

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

2- Lĩnh vực kinh doanh: vận tải biển và dịch vụ vận tải

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải và dịch vụ vận tải hàng hoá trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Kinh doanh cho thuê bất động sản

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính Quý II năm 2025

Quý 2/2025 hoạt động chính của Công ty kinh doanh cho thuê văn phòng. Hiện tại tỷ lệ lấp đầy đạt 100% tổng diện tích cho thuê. Hoạt động thuê tàu ngoài chưa triển khai được như kế hoạch do nhu cầu vận chuyển của khách hàng giảm mạnh, số lượng hàng hóa không đủ để thực hiện mỗi tháng 1 chuyến nên không thể thuê được tàu chuyên tuyến. Việc công ty không còn đội tàu riêng làm mất đi sự chủ động trong việc bố trí tàu phù hợp với yêu cầu của khách hàng.

Trong quý này Công ty có doanh thu từ cho thuê văn phòng là 995 triệu đồng, doanh thu từ hoạt động tài chính là 1 tỷ 900 triệu đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 1 tỷ 233 triệu đồng.

Số lao động tại ngày 30/06/2025 là 12 người

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

1- Kỳ kế toán năm : Kỳ kế toán năm theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đồng Việt Nam .

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

- Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng qui định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính

IV – CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1- Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính theo đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam, việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp với ngân hàng.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua vào của Ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu, các giao dịch mua sắm tài sản, các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua vào của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả bằng ngoại tệ là tỷ giá bán ra của Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng Công thương VN tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá khi đánh giá lại là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng đó.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng Công thương VN tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ.

2- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua đến thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán " Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3- Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có). Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm doanh nghiệp có quyền sở hữu: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm tại thời điểm khớp lệnh (T+0); chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm thấp hơn giá gốc, doanh nghiệp trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là giá gốc

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được như bên phát hành công cụ mất khả năng thanh toán hay phá sản..., kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi, xác định giá trị khoản đầu tư có thể thu hồi được, ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị có thể thu hồi được nhỏ hơn giá trị ghi sổ khoản đầu tư đó là một khoản tổn thất và hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính trong kỳ.

Các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c) Các khoản cho vay

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

d) Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác là giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

4 - Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, theo từng nguyên tệ và theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng Công thương VN tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi được của chúng.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay so với số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

Việc quản lý hàng tồn kho theo Chuẩn mực kế toán số 02 " Hàng tồn kho"

6- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ, TSCĐ thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình: Theo chuẩn mực kế toán 03, 04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ Tài chính; Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán TSCĐ hữu hình, vô hình được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình: trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: theo chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư: theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC – 30/3/2005 của Bộ Tài chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư: trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính

7- Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí kinh doanh trong năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí kinh doanh trong năm tài chính.

Các khoản chi phí phát sinh lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán như: công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ phát sinh một lần cho 1 kỳ được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào chi phí kinh doanh tối đa trong 3 năm.

Kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Kế toán theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phương pháp và thời gian phân bổ lợi thế thương mại: Không có.

8- Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả được phân loại theo nguyên tắc: Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản; phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo từng kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo dõi chi tiết cho từng đối tượng và từng loại nguyên tệ.

Các khoản nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng Công thương VN tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

9- Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ và được theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Khi lập báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

10- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” :Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ: không

11- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả, các khoản phải trả về tiền lương nghỉ phép, trích trước chi phí lãi vay ...thỏa mãn điều kiện là nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian phải thanh toán và xác định được chắc chắn số sẽ phải trả.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Nguyên tắc ghi nhận: theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng”: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Phương pháp ghi nhận: được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006: Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập mỗi năm một lần vào cuối niên độ kế toán.

13- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện phản ánh doanh thu nhận trước (tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua công cụ nợ) và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ hoặc số chiết khấu giảm giá cho khách hàng...)

14- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo tổng số phát sinh thặng dư của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản:

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá: theo CM số 10 và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính .

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

15- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng: Khi công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ: Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng hoặc xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính:

- + Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.
- + Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành, lãi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ báo cáo

16- Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu:

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu của hàng hóa dịch vụ tiêu thụ từ kỳ trước phát sinh sau ngày kết thúc năm nhưng trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán " các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm"- được ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ trước.

17- Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Kế toán giá vốn hàng bán đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Kế toán giá vốn hàng bán đảm bảo nguyên tắc thận trọng: phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường nếu có.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu được hoàn lại khi xuất bán hàng hóa thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

18- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính:

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ báo cáo..

19- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: tuân thủ theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

20- Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác:

V- CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

- 1- Giải thích về tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

2- Trình bày tính chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần hoặc các luồng tiền được coi là là yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng

3- Những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu (trang sau)

4- Tính chất và giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong báo cáo giữa niên độ trước của niên độ kế toán hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong các niên độ trước: không có

5 -Việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn: không có

6- Cổ tức đã trả: Không

7- Doanh thu và kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo biểu B05-HH)

8- Những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong Báo cáo Tài chính giữa niên độ : không có

9- Những thay đổi trong các khoản nợ tiềm tàng hoặc tài sản tiềm tàng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất: không có

TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025



Trần Thị Thanh Nhạn

Người lập/ Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng

Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC
QUÝ II NĂM 2025

V.3 - Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 6 tháng năm 2025

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm 2024					
Tại ngày 01/01/2024	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	78.847.697.682	181.352.244.928
Lãi/lỗ trong kỳ				736.227.913	736.227.913
Trích lập các quỹ					-
Trả cổ tức				(7.740.000.000)	(7.740.000.000)
Tại ngày 30/06/2024	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	71.843.925.595	174.348.472.841
Năm 2025					
Tại ngày 01/01/2025	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	73.262.405.639	175.766.952.885
Lãi/lỗ trong kỳ				1.887.752.223	1.887.752.223
Trích lập các quỹ					-
Trả cổ tức					-
Tại ngày 30/06/2025	86.000.000.000	5.007.985.000	11.496.562.246	75.150.157.862	177.654.705.108

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Vốn góp của Nhà nước:	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	28.800.000.000	33,49%	28.800.000.000	33,49%
- Vốn góp của các đối tượng khác :	57.200.000.000	66,51%	57.200.000.000	66,51%
Công ty Cổ phần Transimex	49.566.600.000	57,64%	49.413.600.000	57,46%
Các cổ đông khác	7.633.400.000	8,88%	7.786.400.000	9,05%
Cộng	86.000.000.000	100,00%	86.000.000.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu :	Năm nay	Năm trước
+ Vốn góp đầu kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	86.000.000.000	86.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia:	-	7.740.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.600.000	8.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.600.000	8.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	0	0
+ Cổ phiếu phổ thông	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.600.000	8.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.600.000	8.600.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 CP		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không		
e) Các quỹ của doanh nghiệp	Cuối kỳ	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	11.496.562.246	11.496.562.246

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC HOẠT ĐỘNG
QUÝ II NĂM 2025

Chỉ tiêu	Kỳ này	Lũy kế
I. KQKD HĐ Cho thuê Văn phòng		
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	995.764.120	1.932.932.330
2. Chi phí	1.662.765.333	3.181.458.620
2.1. Chi phí trực tiếp	533.720.158	952.640.681
2.2. Chi phí bán hàng		33.925.070
2.3. Chi phí quản lý	1.129.045.175	2.194.892.869
3. Lợi nhuận thuần	(667.001.213)	(1.248.526.290)
II. Hoạt động tài chính		
1. Doanh thu tài chính	1.900.717.383	3.615.103.475
1.1. Lãi tiền gửi ngân hàng	1.834.204.028	3.548.590.120
1.2. Chênh lệch tỷ giá	66.513.355	66.513.355
2. Chi phí tài chính	-	-
2.1. Chi phí lãi vay		
2.2. Chênh lệch tỷ giá		
3. Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	1.900.717.383	3.615.103.475
3.1. Chênh lệch lãi tiền gửi và trả lãi vay vốn	1.834.204.028	3.548.590.120
3.2. Chênh lệch tỷ giá	66.513.355	66.513.355
III. Hoạt động khác		
1. Thu nhập hoạt động khác	17.422	17.422
1.1. Thu nhập thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.422	17.422
1.2. Thu nhập khác		
2. Chi phí hoạt động khác	249.008	2.404.328
2.1. Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ		
2.2. Chi phí khác	249.008	2.404.328
3. Lợi nhuận thuần từ HĐ khác	(231.586)	(2.386.906)
3.1. Lợi nhuận từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	17.422	17.422

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH CÁC HOẠT ĐỘNG
QUÝ II NĂM 2025

Chỉ tiêu	Kỳ này	Lũy kế
3.2. Lợi nhuận hoạt động khác	(249.008)	(2.404.328)

TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025



Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025**BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH****QUÝ II NĂM 2025**

Mã phí	Diễn giải	PS kỳ này	PS lũy kế kỳ này
	I.CHI PHÍ TRỰC TIẾP	533.720.158	952.640.681
100	Chi phí nước	5.361.056	9.685.304
101	Chi phí điện	119.335.272	186.807.720
108	Chi phí Bảo hiểm	-	12.481.762
121	Chi phí sửa chữa Nhà làm việc	6.025.000	6.025.000
130	Chi phí nội thất, CCDC phân bổ	16.146.279	32.292.558
400	Chi phí khấu hao TSCĐ	207.172.227	414.344.454
432	Chi phí giấy VS, xà phòng, khử trùng	10.238.324	12.119.883
433	Chi phí vệ sinh tòa nhà	40.000.000	60.000.000
434	Chi phí xử lý rác thải	1.764.000	3.528.000
435	Chi phí bảo trì	6.678.000	13.356.000
436	Chi phí bảo vệ	81.000.000	162.000.000
437	Chi phí PCCC	40.000.000	40.000.000
	II.CHI PHÍ BÁN HÀNG	-	33.925.070
700	Hoa hồng môi giới	-	33.925.070
	III.CHI PHÍ QUẢN LÝ	1.129.045.175	2.194.892.869
101	Chi phí điện	12.687.099	19.150.460
102	Chi phí điện thoại, điện tín, CPN	11.896.764	15.065.108
103	Chi phí hội nghị	15.450.926	15.450.926
104	Chi phí đào tạo	1.360.000	1.360.000
107	Phí chuyển tiền	755.100	3.992.260
108	Chi phí Bảo hiểm	1.318.200	1.318.200
109	Chi phí công tác phí	9.488.296	12.383.111
112	Thù lao HĐQT	51.000.000	102.000.000
113	Thù lao Ban kiểm soát	24.000.000	48.000.000
114	Chi phí tiếp khách	24.051.000	31.793.000
115	Chi phí thuế	-	3.000.000
116	Chi phí văn phòng phẩm, đồ dùng VP	5.815.818	11.353.192

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Địa chỉ: Số 5 lô 2B KĐT mới Ngã Năm Sân Bay Cát Bi, Phường Ngô Quyền, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 2 NĂM 2025

BÁO CÁO TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH**QUÝ II NĂM 2025**

Mã phí	Diễn giải	PS kỳ này	PS lũy kế kỳ này
119	Chi phí cầu đường, gửi xe	1.097.406	3.205.297
120	Chi phí xăng dầu	5.409.161	15.097.200
125	Phí tư vấn, quản lý niêm yết, kiểm toán	20.000.000	35.000.000
127	Thù lao Thư ký công ty	6.000.000	12.000.000
130	Chi phí nội thất, CCDC phân bổ	37.148.751	74.297.502
300	Chi phí lương	764.030.238	1.521.398.226
301	Chi phí BHXH	53.840.850	107.681.700
302	Chi phí BHYT	9.229.860	18.459.720
303	Chi phí KPCĐ	6.153.240	12.306.480
306	Chi phí BH thất nghiệp	3.076.620	6.153.240
400	Chi phí khấu hao TSCĐ	33.211.401	66.422.802
800	Chi phí quản lý khác	32.024.445	58.004.445
	IV.TỔNG CỘNG	1.662.765.333	3.181.458.620

TP Hải Phòng, ngày 15 tháng 07 năm 2025



Trần Thị Thanh Nhàn
Người lập/Kế toán trưởng



Lê Tất Hưng
Giám đốc